

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 31/7/2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Đó

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lộc

Ông Nguyễn Đức Bằng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh **Ứng Thanh L**, sinh năm: 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm: 1988. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi tạm trú: ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2023, bản tự khai ngày 30/03/2023, biên bản lấy lời khai ngày 14/4/2023 trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Ứng Thanh L trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện, Anh L và Chị T quen biết nhau khoảng 06 tháng rồi đi đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 294 ngày 04/7/2011.

Thời gian đầu, Anh L và Chị T chung sống hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ. Chị T ít quan tâm đến gia đình, những lúc cãi nhau Chị T hay quay sang đánh con và mặc Anh L muốn làm gì thì làm. Từ đó, Anh L bất mãn nên hay ra ngoài chơi và tìm niềm vui riêng. Đến năm 2007, mâu thuẫn gay gắt, hai vợ chồng xảy ra xung đột dẫn đến xô sát đánh nhau nhưng không để lại thương tích, hôn nhân không còn hạnh phúc. Năm 2017 Chị T về nhà mẹ ruột tại địa chỉ ấp Đ, xã G, huyện T, sinh sống cho đến nay. Đây cũng chính là thời gian vợ chồng sống ly thân, trong thời gian sống ly thân Anh L và Chị T không có gặp nhau bàn bạc đoàn tụ.

Tại Tòa án Anh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với Chị T.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung:

+ Cháu Ưng Lâm Nhật B, sinh ngày: 16/02/2012.

+ Cháu Ưng Phương Thanh T, sinh ngày: 18/7/2016.

Khi ly hôn, Anh L yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ưng Lâm Nhật B. Anh L đồng ý giao cháu Ưng Phương Thanh T cho Chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2023 và trong quá trình tố tụng bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và Anh L quen nhau khoảng gần 01 năm thì đi đến kết hôn và được UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 294 ngày 04/7/2011, đây là hôn nhân lần đầu của Chị T.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng với gia đình nhà chồng tại ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do Anh L không quan tâm đến vợ con, thường xuyên đi chơi, tụ tập bạn bè bên ngoài, ít về nhà. Từ đó, tình cảm vợ chồng dần xa cách, thường xuyên cãi vã.

Năm 2018, Chị T và con gái đã về nhà bà ngoại tại xã G để sinh sống. Lúc đầu, Anh L có ghé thăm Chị T và con sau đó thì không còn đến thăm nữa. Đến nay mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn liên lạc với nhau. Nhận thấy không thể đoàn tụ cùng nhau được nên Chị T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Anh L. Do Chị T là người theo đạo Công giáo không thể kí hồ sơ ly hôn được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh L khai là đúng, vợ chồng chung sống có 02 con chung:

+ Cháu Ưng Lâm Nhật B, sinh ngày: 16/02/2012.

+ Cháu Ưng Phương Thanh T, sinh ngày: 18/7/2016.

Khi ly hôn, Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T và đồng ý giao cháu B cho Anh L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên Chị T đề nghị Tòa án cho Chị T được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ưng Thanh L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng T.

+ Về con chung: Giao cháu B cho Anh L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu T cho Chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời Anh L, Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Nguyễn Thị Hồng T có nơi cư trú: ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai và nơi tạm trú: ấp Đ, xã G,

huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

[1.2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

[1.3] Về tư cách đương sự: Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xác định anh Ứng Thanh L là nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Hồng T là bị đơn.

[1.4] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

- Nguyên đơn Anh L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 14/7/2023.

- Bị đơn Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 26/6/2023.

Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ứng Thanh L và chị Nguyễn Thị Hồng T đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 294 ngày 04/7/2011 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn đến năm 2023 Anh L khởi kiện xin ly hôn Chị T tại Tòa án. Thời điểm này Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành. Xét việc kết hôn của Anh L và Chị T cũng phù hợp với quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không tranh chấp nên Hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét tình trạng hôn nhân giữa Anh L và Chị T, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh L và Chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trong thời gian sống chung phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ, đánh đập nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, Anh L và Chị T đều có lời khai xác nhận hôn nhân của vợ chồng không còn hạnh phúc, Anh L xin ly hôn Chị T thuận tình.

Tại Tòa án Anh L và Chị T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên cần phải mở phiên tòa xét xử theo quy định pháp luật.

Theo biên bản xác minh ngày 26/6/2023, ông Phạm Văn L (Công an xã G) cho biết: “ ... *Chị T và Anh L không còn sống chung cùng nhau từ năm 2018 cho đến nay*”.

Trên cơ sở đó cho thấy, Anh L và Chị T chung sống với nhau không còn hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 85, Điều 89, Điều 91 Luật Hôn nhân năm 2000 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh L cho Anh L được ly hôn với Chị T.

[2.2] Về con chung: Anh L và Chị T có lời khai thống nhất, vợ chồng chung sống có 02 con chung:

+ Cháu Ưng Lâm Nhật B, sinh ngày: 16/02/2012.

+ Cháu Ưng Phương Thanh T, sinh ngày: 18/7/2016.

Xét yêu cầu về việc xin nuôi con chung của Anh L là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ Chị T cũng đồng ý giao cháu Ưng Lâm Nhật B cho Anh L nuôi dưỡng, đồng thời cháu B cũng có nguyện vọng muốn sống cùng với cha.

Anh L đồng ý giao cháu Ưng Phương Thanh T cho Chị T nuôi dưỡng là phù hợp với yêu cầu của Chị T, đồng thời cháu T cũng có nguyện vọng muốn sống cùng với mẹ.

Do vậy, hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Ưng Lâm Nhật B, sinh ngày: 16/02/2012 cho Anh L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Ưng Phương Thanh T, sinh ngày: 18/7/2016 cho Chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con Anh L, Chị T đều không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không giải quyết. Tạm thời Anh L, Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh L, Chị T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Ưng Thanh L và chị Nguyễn Thị Hồng T không có tranh chấp nên hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh Ưng Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 85, Điều 89, Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ưng Thanh L.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Ứng Thanh L và anh Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn.

2. *Về con chung:*

2.1 Giao cháu Ứng Lâm Nhật B, sinh ngày: 16/02/2012 cho anh Ứng Thanh L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Ứng Phương Thanh T, sinh ngày: 18/7/2016 cho Chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2 Tạm thời anh Ứng Thanh L và chị Nguyễn Thị Hồng T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh L, Chị T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. *Về án phí:* Anh Ứng Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009311 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất. Anh L đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H.TN;
- Chi cục THADS H.TN;
- UBND xã G (294/2011);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Kim Đó